

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
NĂM 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

– **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

– **Tên công ty viết bằng tiếng Anh:** FICO SERVICE AND TRADING, FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

– **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102290682 ngày 07 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

– **Vốn đầu tư:** 306.000.000.000 đồng

– **Địa chỉ:** Số 01 Phan Đình Giót, Phường Nghĩa Lộ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

– **Số điện thoại:** 04.6649298

– **Số fax:** 04.6649219

– **Website:** <http://www.fico-itasco.com>

2. Quá trình hình thành và phát triển

– Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời gian niêm yết, thời gian các mức số vốn quản lý kể từ khi thành lập đến nay).

– Các số vốn khác.

3. Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

– **Ngành nghề kinh doanh:**

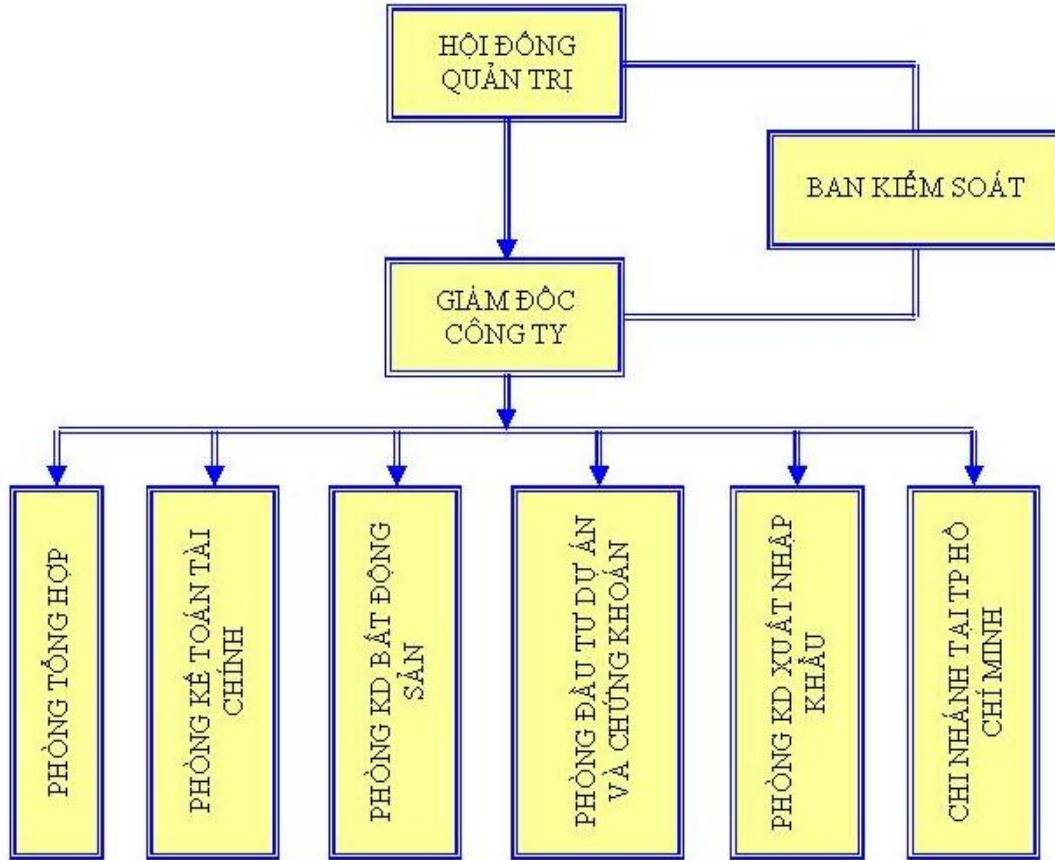
- Kinh doanh vật tư thiết bị cho ngành than
- Đầu tư góp vốn cho lĩnh vực bất động sản

– **Hoạt động kinh doanh:** (Nêu các hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Hà Nội và Quảng Ninh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– **Mô hình quản trị:** Công ty cổ phần.

– **Cấu trúc bộ máy quản lý.**



5. **nh hướng phát triển**

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Tập trung tìm kiếm thị trường kinh doanh xuất nhập khẩu và thị trường trung khai thác cùng các thị trường khác nhằm mở rộng ngành kinh doanh trong các lĩnh vực xây dựng, các trang thiết bị phục vụ trên phạm vi các nước.

– **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:** Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh XNK và thị trường, thu hút công nhân khách hàng, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở rộng nâng cao các thu nhập cho người lao động.

6. **Các rủi ro:**

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

II. **Tình hình hoạt động trong năm**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- **Tình hình chung:** Năm 2013 tình hình chung kinh tế trong nước và thế giới trong giai đoạn hiện nay phức tạp, các biến động tài chính, chi phí, kinh doanh bất ổn kinh tế vĩ mô

trở lại ngay sau khi nhận được. Trong bối cảnh như vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít khó khăn, đặc biệt là các khó khăn về vốn khi triển khai các dự án. Mặc dù vậy, với sự giúp đỡ của CBCNV, vốn bỏ toàn văn của nhà đầu tư và kinh doanh có lãi. Công ty đạt doanh thu năm 2013 đạt 16,03 tỷ đồng; lợi nhuận đạt 1,092 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện sơ bộ kế hoạch:

Trong năm 2013 với những khó khăn chung của các Doanh nghiệp, Công ty cũng đã có những hoạt động kinh doanh, thực hiện tốt nhiệm vụ và những giải pháp đã được Ban giám đốc thực hiện thúc đẩy vị trí triển khai các dự án đang theo dõi trình phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo nguồn tài chính cần thiết để thực hiện các dự án trong những năm tiếp theo.

Sau đây là một số chỉ tiêu chủ yếu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO đã thực hiện toán báo cáo công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kế toán Nam Việt.

Những chỉ tiêu kinh tế thực trong năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2013	Thực hiện
1	Doanh thu:	đồng	48.000.000.000	16.030.000.000
2	Giá trị sản xuất	đồng	19.500.000.000	6.505.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	8.000.000.000	1.092.000.000
4	Lợi nhuận bình quân	đồng	250 /1000 GTSX	3.500.000
5	Chi phí	%	5	0

• Công tác kinh doanh Xuất nhập khẩu:

Trong năm 2013, kinh doanh Xuất nhập khẩu đạt doanh thu 10.127.000.000 đồng. Mặc dù cán bộ công ty đã có những nỗ lực nhưng do tác động của nền kinh tế Việt Nam cũng như những khó khăn trong việc cạnh tranh với các Công ty trong ngành tham gia kinh doanh chuyên nghiệp cao. Trước thực trạng khó khăn của công tác kinh doanh và thị trường, công ty đã có cán bộ nghiên cứu mở rộng thị trường, tìm kiếm ngành nghề kinh doanh mới nhằm phân tán rủi ro và các nhân viên trong việc triển khai mở rộng thị trường xây dựng có mặt trên thị trường mang lại hiệu quả kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

– **Danh sách Ban điều hành:**

HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và nhiệm vụ ủy nhiệm báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Thành Chức vụ

Ông Nguyễn Tuấn Anh Chuyên viên

Ông Nguyễn Văn Cúc Chuyên viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và nội dung nội dung báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh Giám đốc

Bà Trần Thị Thanh Huyền Kế toán trưởng

KẾ MẠC TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kế toán Nam Việt (AASCN) có kế toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- **Nội dung thay đổi trong bản điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Bản điều hành trong năm): không có**

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đãi ngộ nhân viên.**

- **Vào năm:** Tổng số lao động năm 2013 là 32 người giảm 04 người so với năm 2012

- **Vào năm thu nhập và tiền lương:**

- Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2012 là: 32 người

- Tổng quỹ lương trích 2012: 1.762.286.592 đồng

- Tiền lương bình quân trên cơ bản năm: 4.589.828 đồng/người/tháng

3. Tình hình hoạt động, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2013 là năm thành công bước đầu của năm tài chính, do có công tác triển khai các dự án gặp phải nhiều khó khăn như chi phí nhân công cao, chi phí vận hành. Thực tế có là những thách thức lớn mà doanh nghiệp đang phải đương đầu.

Để vượt qua những thách thức kinh tế, Công ty đang nỗ lực triển khai các dự án. Trong đó, dự án khu chức năng đô thị Tây Mễ Bắc đã thi công xây dựng xong và đang bàn giao nhà cho khách hàng. Công tác thu hút công nhân dự án đang tích cực triển khai.

Để vượt qua những thách thức, vận hành phòng cho thuê và nhà bán trên ô tô A7/CC2 khu đô thị Nam Trung Yên, công ty đã tích cực triển khai. Dự án còn lại là dự án Áo Sào do gặp phải nhiều khó khăn về nguồn vốn nên công nhân vận hành trong quá trình thực hiện, công ty hiện đang tích cực hành động để thanh lý và các chi phí và thu hút công nhân.

a) Các khoản đầu tư:

- **Dự án khu chức năng đô thị Tây Mễ:**

ivida Tây M, công ty đã hoàn thiện việc xây dựng các tòa nhà tập thể, và tích cực khai thác công nhân cá nhân và khách hàng

- Dự án đầu tư xây dựng siêu thị, văn phòng cho thuê và nhà bán lẻ ô tô tại A7/CC2 khu đô thị Nam Trung Yên, Hà Nội.

Dự án siêu thị, văn phòng cho thuê và nhà bán lẻ trên lô đất A7/CC2 khu đô thị Nam Trung Yên là dự án có vai trò quan trọng mang lại hiệu quả kinh tế. Ngày 24/11/2009, Công ty FICO và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp tác kinh doanh số 86/2009/HHTKD. Hai bên đã tích cực khai thác dự án theo các cam kết trong hợp đồng, tuy nhiên tiến độ dự án bị chậm trễ kéo dài do nhu cầu nguyên nhân khách quan và chi phí.

Sau một thời gian dài xin phép các cơ quan ban ngành, Công ty FICO đã có sự quy hoạch kiến trúc trình UBND Thành phố Hà Nội xin phê duyệt dự án quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Tây Nam Hà Nội - Khu xây dựng quy mô 1/500.

- Dự án khu chung cư đô thị Ao Sào.

Dự án khu chung cư đô thị Ao Sào tại phường Thịnh Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội được thực hiện theo Hợp đồng số 08/2007/HHT ngày 30 tháng 11 năm 2007 hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO và Công ty Đầu tư và phát triển Long Lô 5 với tỷ lệ góp vốn 50/50. Dự án là một trong những dự án ưu tiên của Công ty với quy mô tương đối lớn. Do các tác động trong tiến trình thực hiện dự án, Công ty đã có phương án như sau:

- Việc công mua rút vốn công ty sẽ là tiến góp (theo hợp đồng thanh lý với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Lô 5).
- Việc công tiếp tục đầu tư vào Dự án Ao Sào Công ty sẽ làm phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Lô 5 khách hàng sẽ mua giá gốc của Dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
* Chỉ số chi phí không phải là tài sản cố định và tài chính phi ngân hàng:			

Tổng giá trị tài sản	188.281.555.469	181.152.637.898	
Doanh thu thuần	50.961.893.116	10.126.600.000	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	4.784.926.025	1.277.615.693	
Lợi nhuận khác	-5.825.065	-185.260.214	
Lợi nhuận trước thuế	4.779.100.960	1.092.355.479	
Lợi nhuận sau thuế	4.779.100.960	1.092.355.479	
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	8.67	1.98	
<i>* Chỉ số tài chính tín dụng và tài chính</i>			
<i>tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thu và các khoản phí nhập			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSL /Năng lực	1.44	1.44	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSL - Hàng tồn kho	1.42	1.42	
Năng lực			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số N/T giá trị tài sản	0.67	0.67	
+ Hệ số N/V nhân viên	2.02	2.04	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá trị hàng bán	22.5	4.42	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần /T giá trị tài sản	0.27	0.06	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			

+ H s L i nhu n sau thu /Doanh thu thu n	0.09	0.10	
+ H s L i nhu n sau thu /V n ch s h u	0.08	0.02	
+ H s L i nhu n sau thu /T ng tài s n	0.03	0.006	
+ H s L i nhu n t ho t ng kinh doanh/Doanh thu thu n	0.09	0.13	
.....			

5. C c u c ô ng, thay i v n u t c a c h s h u

a) C ph n:

- T ng s c ph n: 30.600.000 c ph n
- M nh giá: 10.000 ng
- Lo i c phi u: C phi u ph thông

b) C c u c ô ng:

Danh sách c ô ng sáng l p

STT	Tên c ô ng	N i ng ký h kh u th ng trú/ a c h tr s chính	Lo i c ph n	S c ph n	Giá tr c ph n (VN)	T l (%)	S CMTND / Mã s DN
1	PH M V N TH NG	S 12 t p th C c c nh sát hình s , t ch c 59 Yên Hòa, Quận C u Gi y, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	1.620.000	16.200.000.000	5,29	012515677
2	NGUY N TUÁN ANH	S 14, ngõ 61/44 Tr n Duy H ng, ph ng Trung Hòa, Quận C u Gi y, Thành ph	C ph n ph thông	2.070.000	20.700.000.000	6,76	012931168

		Hà Nội, Việt Nam					
3	NGUYỄN C THÁI	F21 – A12, phường Bắc Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	C phần ph thông	2.700. 000	27.000.000. 000	8,82	0121092 99

c) **Tình hình thay đổi về mặt cấu trúc:** Nêu các tỷ trọng các phần trong năm bao gồm các tài sản bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển trái phiếu, chuyển nhượng quyền, phát hành chứng khoán, trực tiếp bằng chứng khoán...vvv thành phần: không có

d) **Giao dịch chứng khoán:** Nêu số lượng chứng khoán hiện tại, liệt kê các giao dịch chứng khoán đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và tổng giao dịch: không có

e) **Các chi phí khác:** nêu các tài sản phát hành chi phí khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, các chi phí các loại chi phí khác hiện đang lưu hành và các cam kết chi trả của công ty và cá nhân, tài sản khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, nợ quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc thi hành báo cáo các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty thực hiện chức năng và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đúng hướng và đúng mục tiêu

STT	Chỉ tiêu	Khoạch	Thực tế	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Doanh thu	30.000.000.000	16.030.239.692	53,43%
2	Giá trị sản xuất	10.000.000.000	6.508.727.402	65,09%
3	Lợi nhuận sau thuế	5.000.000.000	1.092.355.479	21,85%
4	Cổ tức	6%	0%	0%

Năm 2013, do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên các chỉ tiêu đạt ra chưa hoàn thành tốt. Tuy nhiên kết quả thực tế là số lần cổ tức CB CNV trong công ty

- Doanh thu năm 2013 đạt 16.030.239.692 đồng đạt 53.43% kế hoạch đề ra
- Giá trị sản xuất đạt 6.508.727.402 đồng đạt 65.09% kế hoạch đề ra

- Lợi nhuận sau thuế là 1.092.355.479 đồng chiếm 21.85% so với kế hoạch
- Năm 2013 do tình hình sản xuất kinh doanh nhiều khó khăn nên Công ty không trích cho Công đồng

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm trước (%)	Năm nay (%)	Chênh lệch (%)
1	Các tài sản			
1.1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	3,527	3,457	(0,07)
1.2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	96,473	96,543	0,07
2	Các nguồn vốn			
2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	66,942	67,149	0,207
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	33,058	32,851	(0,207)
3	Tổng lợi nhuận			
3.1	Tổng lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	2,538	0,603	(1,935)
3.2	Tổng lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	9,378	10,787	1,409
3.3	Tổng lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	7,678	1,836	(5,842)
3.4	Tổng lợi nhuận sau thuế / Vốn đầu tư góp	8,670	1,982	(6,688)

Trong năm 2013, tổng tài sản của công ty giảm 7.128.917.571 đồng

Tổng lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản giảm 1,935% so với năm 2012

Tổng lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 5,842% so với năm 2012

Tổng lợi nhuận sau thuế / Vốn đầu tư góp giảm 5,842% so với năm 2012

Tuy nhiên tổng lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần tăng 1,409%

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình hiện tại, bình ổn các khoản nợ

Ngày 31/12/2013, nợ phải trả của Công ty là 121.641.341.111 đồng, giảm 4.397.992.282 đồng so với cùng kỳ năm 2012.

– Phân tích nợ phải trả xu hướng chênh lệch cấu trúc giá trị tài sản không thanh toán sản xuất kinh doanh của công ty, hướng chênh lệch lãi vay: Không có

3. *Những chỉ tiêu về các hoạt động, chính sách, quản lý*
4. *Khoạch phát triển trong tương lai*
5. *Giới thiệu của Ban Giám đốc về ý kiến kiểm toán: không có*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2013, hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận bám sát theo nội dung chương trình, kế hoạch của Hội đồng quản trị. Trong điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng cao, chính sách thắt chặt tài chính, tín dụng và cắt giảm đầu tư công của Nhà nước các doanh nghiệp chịu sự tác động. Vì vậy công ty của chúng ta, vì lẽ thù là một doanh nghiệp xuất nhập khẩu, xuất tài chính lại càng chịu nhiều sự tác động. Các kết quả hoạt động sản xuất trong năm qua của Công ty chưa đạt kết quả theo các chỉ tiêu đề ra.

3. *Các kế hoạch, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị*

Năm 2013 tình hình kinh tế xã hội tiếp tục có những diễn biến phức tạp, lạm phát và giá các nguyên vật liệu đầu vào tăng, đồng tiền và các hàng hoá khác tăng rất cao; lãi xuất tín dụng và tỷ giá hối đoái có diễn biến phức tạp; vì thế thu nhập vốn cho SXKD và xuất nhập khẩu càng gặp nhiều khó khăn do lãi vay cao. Tình hình đó ảnh hưởng xấu tới các ngành, doanh nghiệp SXKD trong nước. Vì thế qua thách thức hiện sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn, nhiệm vụ làm và thu nhập cho người lao động, năm 2013 Công ty sản xuất trung thành hiện các nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh đề ra:

Kinh doanh XNK và thị trường: Thành hiện trị công tác khoán về chi phí phần kinh doanh XNK và thị trường, giảm chi phí hợp lý trong các phương án kinh doanh. Mọi phương án kinh doanh đều phải đáp ứng các chỉ tiêu về lợi nhuận mang lại cho Công ty, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh cao nhất. Mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh để thêm việc làm cho cán bộ CNV và tăng doanh thu cho Công ty.

Kinh doanh Bất động sản:

Tiếp tục triển khai các dự án cùng với các dự án đã ký kết như Dự án khu chức năng đô thị Tây M, dự án trung tâm Tiềm năng và Trung tâm cơ sở hạ tầng quận Cầu Giấy, dự án A7 Nam Trung Yên, nhằm sớm hoàn tất các thủ tục triển khai xây dựng và khai thác các dự án trên. Triển khai thanh lý hợp đồng dự án Áo Sào rút vốn đầu tư vào các Dự án khác mang lại hiệu quả cao hơn.

Ngoài ra, trong năm 2014, Công ty có kế hoạch hợp tác với Công ty 3TH Toàn Cầu đầu tư Dự án Công viên Nghé Trang Tam Đảo và Dự án du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng

hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty TNHH Minh Thâm, Công ty TNHH Hoàng Minh, Công ty TNHH Hoàn Hoàng tham

Ngoài ra Công ty luôn triển khai các dự án mới cách có kế hoạch, mở rộng trình độ hợp tác với các đối tác kinh tế xã hội, không ngừng tìm kiếm những dự án mới để công nhân viên làm, mang lại nguồn thu về cho Công ty. Những dự án đầu tư triển khai mới như sau:

- Cung cấp trang thiết bị Y tế cho các bệnh viện trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Lắp đặt nhà máy xử lý rác cùng với nhà thu Trung Quốc
- Lắp đặt trạm cung cấp xăng dầu cùng với các trạm phía Bắc
- Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị nhà máy nhiệt điện Thái Bình

Vì những thành công đó, cùng với những nỗ lực của các cán bộ công nhân viên, nhất là trong năm 2014 sẽ tạo ra những ngành nghề kinh doanh mới, tạo thêm công nhân viên làm, và nguồn thu cho công ty trong năm và những năm tới.

Thành tựu: Các thành viên chấp hành kỷ luật cán bộ hợp tác trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, khuyến khích công tác kiêm nhiệm, tiết kiệm lao động. Bên cạnh đó Công ty sẽ bổ sung những ngành nghề có trình độ chuyên môn cao phục vụ cho những ngành kinh doanh không ngừng nâng cao doanh thu và hiệu quả kinh tế mang lại lợi ích cho Công ty.

Các chỉ tiêu chủ yếu kinh doanh năm 2014.

STT	Chỉ tiêu	vt	Thực hiện 2013	KH năm 2014
1	Doanh thu:	ng	16.030.000.000	50.000.000.000
2	Giá trị sản xuất	nt	6.505.000.000	15.600.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	nt	1.092.000.000	9.350.000.000
4	Lương bình quân	nt	3.500.000	3.500.000
5	Chi phí	%	0	10

V. Quản trị công ty (Thành viên chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty nếu chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tài chính này).

1. Hội đồng quản trị

a) **Thành viên và chức vụ của Hội đồng quản trị:** (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tài sản hữu hạn có quy định và các chi nhánh khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên chủ tịch, thành viên không độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác): không có

b) **Các tổ chức nhận ủy quyền:** (Liệt kê các tổ chức nhận ủy quyền và thành viên trong từng tổ chức): không có

c) **Họ tên các Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu các thiếu sót của các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các thành viên.**

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp chuyên đề và bàn về chiến lược marketing trong kinh doanh XNK trong ngành Than, tích cực cán bộ của Công ty bám sát thị trường, nắm bắt nhu cầu khách hàng và chào hàng, nhằm có doanh nghiệp cung cấp tốt nhất.

d) **Họ tên các thành viên Hội đồng quản trị có lập không lập hành: không có**

e) **Họ tên các thành viên trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các thành viên thu của Hội đồng quản trị, nêu các thiếu sót của các thành viên, nội dung và kết quả của các thành viên): không có**

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chấp hành điều lệ của Hội đồng quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các công việc của Hội đồng quản trị công ty trong năm: không có**

2. *Ban Kiểm soát*

a) **Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát:**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	H. S. Hiệp	Trưởng ban
2	Th. Thành	Ủy viên
3	Bùi H. Yến	Ủy viên

b) **Họ tên các Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát thực hiện chức năng thay mặt Công đồng giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ trung thực trong các hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính...phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng b. o. t. o. à. n và phát triển bền vững của công ty. Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc sau:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD
- Phối hợp với các Phòng chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành công ty

- Kiểm tra cùng với Chi nhánh công ty TNHH Dịch vụ Tài chính Kế toán Kế toán Việt Nam (nội dung kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty) thực hiện kiểm tra công tác kế toán, kế toán
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
- a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

Chi c danh	M c thù lao (ng/ng i/tháng)	S ng i	S tháng	T ng c ng
I.Thành viên H i QT				
1.Ch t ch H i QT	20.000.000	01	12	240.000.000
2.UV H i QT	4.000.000	02	12	96.000.000
II.Ban Ki m soát				
1.TB Ki m soát	3.000.000	01	12	36.000.000
2.UV BKS	2.000.000	02	12	48.000.000
T ng c ng				420.000.000

b) Giao dịch phi u c a c ông n i b : (Thông tin v các giao dịch phi u c a các thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng Giám c), Kế toán tr ng, các cán b qu n lý, Th ký công ty, c ông l n và nh ng ng i liên quan t i các i t ng nói trên): không có

c) H p ng ho c giao dịch v i c ông n i b : (Thông tin v h p ng, ho c giao dịch ã c ký k t ho c ã c th c hi n trong n m v i công ty, các công ty con, các công ty mà công ty n m quy n ki m soát c a thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng Giám c), các cán b qu n lý và nh ng ng i liên q uan t i các i t ng nói trên): không có

d) Vi c th c hi n các quy nh v qu n tr công ty: (Nêu rõ nh ng n i dung ch a th c hi n c theo quy nh c a pháp lu t v qu n tr công ty. Nguyên nhân, gi i pháp và k ho ch kh c ph c/k ho ch t ng c ng hi u qu trong ho t ng qu n tr công ty): không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý ki n ki m toán
2. Báo cáo tài chính c ki m toán

B NG CÂN I K TOÁN
T i ngày 31 tháng 12 n m 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
A.	TÀI SẢN NGUYÊN	100		174.891.003.34	181.640.929.81
				1	8
I.	Tiền và các khoản ngắn hạn	110		1.449.577.217	830.854.546
1.	Tiền	111	V.01	1.449.577.217	830.854.546
2.	Các khoản ngắn hạn	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.402.212.64	172.706.168.51
				2	7
1.	Phải thu khách hàng	131		26.668.747.778	36.613.747.778
2.	Trợ cấp cho người bán	132		473.374.454	29.523.374.454
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	138.260.090.41	106.569.046.28
				0	5
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		2.151.026.914	2.254.266.641
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	2.151.026.914	2.254.266.641
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-

V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.888.186.568	5.849.640.114
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thu giá trị gia tăng khách u tr	152		461.505.842	455.158.346
3.	Thu và các khoản khác phải thu Nhà ở	154	V.04	621.242.520	621.242.520
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	4.805.438.206	4.773.239.248

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.261.634.557	6.640.625.651
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vận kinh doanh vận chuyển	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.779.414.557	2.158.405.651
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.779.414.557	2.158.405.651
	- Nguyên giá	222		3.434.241.949	3.561.851.040
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.654.827.392)	(1.403.445.389)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.482.220.000	4.482.220.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-

2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	4.482.220.000	4.482.220.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.152.637.898	188.281.555.469

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
A.	NGUỒN VỐN CHỦ	300		121.641.341.111	126.039.333.393
I.	Ngân hàng	310		121.641.341.111	126.039.333.393
1.	Vay và nợ ngân hàng	311	V.08	-	597.508.100
2.	Phí trả nợ lãi	312		30.337.612.515	35.012.896.586
3.	Ngõ mua trả tiền trước	313		50.335.000.000	50.335.000.000
4.	Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	91.622.084	215.217.248
5.	Phí trả nợ lãi lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phí trả nợ lãi	317		-	-
8.	Phí trả theo tiến độ kế hoạch	318		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Nghĩa Lộ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

	ng xây dựng				
9.	Các khoản phí trả, phí nhập ngân hàng khác	319	V.10	39.900.779.094	38.638.904.689
10.	D phòng phí trả ngân hàng	320		-	-
11.	Quà khen thưởng, phúc lợi	323		976.327.418	1.239.806.770
II.	N dài hạn	330		-	-
1.	Phí trả dài hạn ngắn hạn	331		-	-
2.	Phí trả dài hạn ngắn hạn	332		-	-
3.	Phí trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thu thuế nhập khẩu lệ phí trả	335		-	-
6.	D phòng trợ cấp một lần	336		-	-
7.	D phòng phí trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	V NCH S H U	400		59.511.296.787	62.242.222.076
I.	V nch s h u	410	V.11	59.511.296.787	62.242.222.076
1.	Vn đầu tư cách s h u	411		55.120.000.000	55.120.000.000
2.	Thặng dư v n c p h n	412		-	-
3.	V n khác cách s h u	413		-	-
4.	C phí u qu (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch giá hối đoái	416		-	-
7.	Qu đầu tư phát triển	417		1.868.371.403	1.390.461.307
8.	Qu dự phòng tài chính	418		1.430.569.905	952.659.809
9.	Qu khác thu c v nch s h u	419		-	-
10.	L i nhu n sau thu ch a phân phi	420		1.092.355.479	4.779.100.960
II.	Ngũ n kinh phí và qu khác	430		-	-
	T NG C NG NGU NV N	440		181.152.637.898	188.281.555.469

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHI TIÊU	Thuyết minh	S c u i n m	S u n m
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	V t t , hàng hóa nhận giữ , nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ , nhận ký g i, ký c c		-	-
4.	N khó òi ã x lý		-	-
5.	Ngo i t các lo i <i>USD</i>		-	<i>2.151</i>
6.	D toán chi s nghi p, d án		-	-

Hà Nội, ngày ... tháng 3 n m 2014

Ng i l p b i u

K toán tr ã ng

Giám c

Ph m Th H ã ng

Tr ã n Th Thanh Huy ã n

Nguy ã n Tu ã n Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	10.126.600.000	50.961.893.116
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.126.600.000	50.961.893.116
4.	Giá trị hàng bán	11	VI.02	9.521.512.290	50.756.928.854
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		605.087.710	204.964.262
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.903.639.692	9.278.794.527
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	590.513.221	(970.046.501)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>200.761.764</i>	<i>672.082.083</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		-	661.615.329
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.640.598.488	5.007.263.936
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.277.615.693	4.784.926.025
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	185.260.214	5.825.065
13.	Lợi nhuận khác	40		(185.260.214)	(5.825.065)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.092.355.4	4.779.100.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phạm Đình Cẩn, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

				79	
15.	Chi phí thu TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thu TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thu TNDN	60		1.092.355.4	4.779.100.960
				79	
18.	Lãi chẵn trên cơ sở	70	VI.06	198	867

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2014

Ngô Văn Bình

Kiểm toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN T

(Theo phương pháp giá trị)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CH TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		892.355.479	4.779.100.960
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		367.148.690	374.354.076
-	Các khoản d phòng	03		-	(8.142.000.000)
-	(Lãi)/l chênh l ch t giá h i oái ch a th c hi n	04			(34.182.385)
-	(Lãi)/l t ho t ng u t	05		(5.703.639.692)	(2.614.317.463)
-	Chi phí lãi vay	06		200.761.764	672.082.083
3.	Lợi nhuận/(l) t H KD trước thuế	08		(4.243.373.759)	(4.964.962.729)
-	(T ng)/gi m các khoản phí thu	09		11.189.064.773	(21.267.379.593)
-	(T ng)/gi m hàng tồn kho	10		103.239.727	-
-	T ng/(gi m) các khoản phí tr (không k lãi vay phí tr , thu TNDN phí n p)	11		(5.906.354.830)	12.385.186.178
-	(T ng)/gi m chi phí tr tr c	12		11.842.404	440.458.104
-	Tin lãi vay ã tr	13		(200.761.764)	(672.082.083)
-	Thu thu nhập doanh nghiệp ã n p	14		-	-
-	Tin thu khác t ho t ng kinh doanh	15		-	2.747.896.839
-	Tin chi khác t ho t ng kinh doanh	16		(383.215.472)	(1.175.312.174)
	Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh	20		570.441.079	(12.506.195.458)

II.	L u c h y n t i n t h o t n g u t				
-	Ti n c h i m u a s m, x â y d n g T S C v à c á c T S d à i h n k h á c	21		-	-
-	Ti n t h u t t h a n h l ý, n h n g b á n T S C v à c á c T S d à i h n k h á c	22		-	-
-	Ti n c h i c h o v a y, m u a c á c c o n g c n c a n v k h á c	23		-	-
-	Ti n t h u h i c h o v a y, b á n l i c á c c o n g c n c a n v k h á c	24		-	-
-	Ti n c h i u t g ó p v n v à o n v k h á c	25		-	-
-	Ti n t h u h i u t g ó p v n v à o n v k h á c	26		-	-
-	Ti n t h u l ă i c h o v a y, c t c v à l i n h u n c c h i a	27		2.003.639.692	16.059.540.459
	L u c h y n t i n t h u n t h o t n g u t	30		2.003.639.692	16.059.540.459

n v t í n h: V N D

STT	CH TIÊU	Mã s	Thuy t minh	N m nay	N m tr c
III.	L u c h y n t i n t h o t n g t à i c h í n h				
1.	Ti n t h u t p h á t h à n h c p h i u, n h n v n g ó p c a c h s h u	31		-	-
2.	Ti n c h i t r v n g ó p c h o c á c c h s h u, m u a l i c p h i u c a d o a n h n g h i p ã p h á t h à n h	32		-	-
3.	Ti n v a y n g n h n, d à i h n n h n c	33		7.800.000.000	11.188.495.900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Nghĩa Lộ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.397.508.100)	(13.257.537.800)
5.	Tiền chi trả thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.357.850.000)	(2.864.500.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.955.358.100)	(4.933.541.900)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	618.722.671	(1.380.196.899)
	Tiền và tương đương tài chính cuối năm	60	830.854.546	2.214.948.768
	nhập hàng của thay đổi giá trị tài sản cố định	61	-	(3.897.323)
	Tiền và tương đương tài chính đầu năm	70	1.449.577.217	830.854.546

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2014

Nguyễn Phú Hữu

Kiểm toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013

I. CHỈ MÔ TẢ NGUYÊN CỐ DOANH NGHIỆP

01. Hình thức hoạt động

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Bán phôi than và các bộ phận phụ trợ của ngành khai thác than và dầu thô.

II. NĂM TÀI CHÍNH, VÀ TÍNH ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tính sổ kế toán trong kế toán

Đơn vị tính sổ kế toán trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tài sản và các khoản nợ tài sản

Các khoản tài sản bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản nợ ngắn hạn là các khoản nợ ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dàng thành tiền và không có ưu đãi trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản nợ đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bên ngoài được quy định ra ngoài Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nội doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nội doanh nghiệp mua tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do ảnh hưởng của các khoản mục tài sản tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trị giá hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho sẵn sàng bán và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao định trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 06 – 25 năm
- Phương tiện vận tải, máy móc 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 08 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hạch toán quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hạch toán quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

04. Nguyên tắc ghi nhận và vận hành các khoản chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp nên việc đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất tài sản đang tính vào giá trị tài sản cố định (tài sản hữu hình) khi có các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí vay”.

05. Nguyên tắc ghi nhận vận chuyển hàng hóa

Vận chuyển hàng hóa được ghi nhận theo số vận chuyển góp các hàng hóa.

06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phải nhận rõ ràng và lợi ích kinh tế liên quan vì quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định một cách chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận từ khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp vì các cung cấp dịch vụ liên quan nên nhiều khi doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định một cách chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tín lãi, tín bản quy định, các tài khoản chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác ghi nhận khi thanh toán hai (02) kỳ sau:

- Có khoản thu lợi ích kinh tế giao dịch;
- Doanh thu xác nhận nghiệp vụ.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí vay vốn;
- Các khoản lợi do thay đổi giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan ngoại tệ.

Các khoản trên ghi nhận theo từng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐIK TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tài sản

	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
- Tài sản cố định	835.780.402	698.004.117
- Tài sản ngân hàng	613.796.815	132.850.429
- Tài sản chuyển nhượng	-	-
Cộng	1.449.577.217	830.854.546

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về các tài khoản chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	138.260.090.410	106.569.046.285
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hàng và Đô thị Viglacera (*)	14.949.777.470	11.049.777.470
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Logistics (**)	28.050.000.000	-
+ Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân	94.276.960.000	94.461.960.000

viên

Bà Bùi Thị Yến	24.750.000.000	24.750.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn	57.354.960.000	57.349.960.000
Ông Võ Bảo Long	11.172.000.000	11.362.000.000
Ông Nguyễn Bá Tuấn	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Các khoản phí thu khác	983.352.940	1.057.308.815
Cộng	138.260.090.410	106.569.046.285

(*): Là khoản phí thu theo biên bản làm việc ngày 07 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Hết và Đô thị Viglacera và Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính, Thương mại dịch vụ FICO với mục đích phân chia lợi nhuận dự án Hộ Hộ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 46/2007/HKT. Theo đó, tính nhậtm 2013 Công ty chịu lợi nhuận tính là 63.634.024.094 đồng. Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013, số tiền Công ty đã thu là 37.950.222.536 đồng; số tiền chưa thu là 25.683.801.564 đồng, Công ty đã ghi nhận doanh thu tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 52.900.000.000 (trong đó: năm 2010 ghi nhận 23.000.000.000 đồng, năm 2011 là 15.000.000.000 đồng, năm 2012 là 9.000.000.000 đồng và năm 2013 là 5.900.000.000 đồng). Số còn lại đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa ghi nhận là 10.734.024.094 đồng.

(**): Là khoản phí thu theo biên bản thanh lý hợp đồng số 08/2007/HHT ngày 05 tháng 9 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Lô 5 và Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính, Thương mại dịch vụ FICO. Theo đó, hai bên đã thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/2007/HHT ký ngày 30 tháng 11 năm 2007 về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác dự án Khu chức năng đô thị Ao Sào.

03. Hàng tồn kho

	S c u i n m	S u n m
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.151.026.914	2.254.266.641
- Hàng hoá	-	-
Cộng giá trị của hàng tồn kho	2.151.026.914	2.254.266.641

n v tính: VND

04. Thu và các khoản phí thu Nhà nước

	S c u i n m	S u n m
- Thu thu nhập doanh nghiệp nộp thuế	621.242.520	621.242.520
Cộng	621.242.520	621.242.520

05. Tài sản ngắn hạn khác

	S c u i n m	S u n m
- Tài sản thi u ch x lý	-	-
- T m ng	4.738.384.406	4.729.840.800
- Các kho n c m c , ký qu , ký c c ng n h n	67.053.800	43.398.448
C ng	4.805.438.206	4.773.239.248

06. T ng, gi m tài s n c nh h u hình

Kho n m c	Nhà c a, v t ki n trúc	Ph ng ti n v n t i, truy n d n	Thi t b d ng c qu n lý	T ng c ng
I. Nguyên giá				
<i>S d u n m</i>	<i>1.396.624.262</i>	<i>1.966.842.177</i>	<i>198.384.601</i>	<i>3.561.851.040</i>
- Mua trong n m	-	-	-	-
- T ng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nh ng bán	-	-	-	-
- Gi m khác	-	-	(127.609.091)	(127.609.091)
<i>S d c u i n m</i>	<i>1.396.624.262</i>	<i>1.966.842.177</i>	<i>70.775.510</i>	<i>3.434.241.949</i>
II. Giá tr hao mòn lu k				
<i>S d u n m</i>	<i>507.796.864</i>	<i>740.681.691</i>	<i>154.966.834</i>	<i>1.403.445.389</i>
- Kh u hao trong n m	106.684.656	245.855.280	14.608.754	367.148.690
- T ng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nh ng bán	-	-	-	-
- Gi m khác	-	-	(115.766.687)	(115.766.687)
<i>S d c u i n m</i>	<i>614.481.520</i>	<i>986.536.971</i>	<i>53.808.901</i>	<i>1.654.827.392</i>
III. Giá tr còn l i				
<i>1. T i ngày u n m</i>	<i>888.827.398</i>	<i>1.226.160.486</i>	<i>43.417.767</i>	<i>2.158.405.651</i>
<i>2. T i ngày c u i n m</i>	<i>782.142.742</i>	<i>980.305.206</i>	<i>16.966.609</i>	<i>1.779.414.557</i>

07. u t dài h n khác

	S c u i n m		S u n m	
	S l ng	Giá tr	S l ng	Giá tr
u t c phi u		4.482.220.000		4.482.220.000
+ Công ty C ph n B t	403.222	4.032.220.000	403.222	4.032.220.000

	S c u i n m		S u n m	
	S l i n g	Giá tr	S l i n g	Giá tr
ng s n Sanny				
+ Công ty Cổ phần Aac	46.575	450.000.000	46.575	450.000.000
MB				
C ng		4.482.220.000		4.482.220.000

08. Vay và nợ ngắn hạn

	S c u i n m	S u n m
Vay ngắn hạn	-	597.508.100
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	<i>597.508.100</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hà Nội	-	597.508.100
N dài hạn ngắn hạn	-	-
C ng	-	597.508.100

09. Thu và các khoản phí nhập Nhà nước

	S c u i n m	S u n m
- Thu giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	87.742.115
- Thu giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thu xuất nhập khẩu	-	25.555.956
- Thu thu nhập cá nhân	91.622.084	101.919.177
C ng	91.622.084	215.217.248

10. Các khoản phí trừ, phí nhập ngắn hạn khác

	S c u i n m	S u n m
- Kinh phí công đoàn	165.142.403	134.916.210
- Bảo hiểm xã hội	434.928.240	82.028.716
- Bảo hiểm y tế	75.142.129	6.766.660
- Bảo hiểm thất nghiệp	36.244.020	2.944.220
- Các khoản phí trừ, phí nhập khác	39.189.322.302	38.412.248.883
+ <i>Phí trừ tiền thu của khách hàng theo dự án</i>	<i>23.200.000.000</i>	<i>24.700.000.000</i>
Ao Sào		
+ <i>Phí trừ c t c</i>	<i>2.637.650.000</i>	<i>688.300.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Nghĩa Lộ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

+ Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ	114.991.486	71.381.616
- Vinacomin		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ	12.581.126.439	12.581.126.439
- Vinacomin (lãi vay)		
+ Thù lao HĐQT và BKS	542.299.060	280.000.000
+ Công ty LD Khách sạn Thiên Đô	67.600.000	67.600.000
+ Phí trợ khác	45.655.317	23.840.828
Cộng	39.900.779.094	38.638.904.689

n v tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng chi tiết biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Chênh lệch giá	Quỹ phát triển	Quỹ phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chia phần	Tổng cộng
Số đầu năm trước	55.120.000.000	125.748.046	1.390.461.307	870.230.654	2.838.429.155	60.344.869.162
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.779.100.960	4.779.100.960
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	82.429.155	(2.838.429.155)	(2.756.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch giá	-	(125.748.046)	-	-	-	(125.748.046)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm trước	55.120.000.000	-	1.390.461.307	952.659.809	4.779.100.960	62.242.222.076
Số đầu năm nay	55.120.000.000	-	1.390.461.307	952.659.809	4.779.100.960	62.242.222.076
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.092.355.479	1.092.355.479
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	477.910.096	477.910.096	(4.779.100.960)	(3.823.280.768)

CÔNG TY CỔ PHẦN UT TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Công, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

)
Giá trị vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư hiện tại	55.120.000.000	-	1.868.371.403	1.430.569.905	1.092.355.479	59.511.296.78	7

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư các sở hữu

	S c u i n m	S u n m
- Vn góp của Nhà nước	-	-
- Vn góp của các đối tượng khác	55.120.000.000	55.120.000.000
Cộng	55.120.000.000	55.120.000.000

Vn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 306.000.000.000 ng

Vn góp thực tế đến 31/12/2013 là: 55.120.000.000 ng

Vn đầu tư góp thì là: 250.880.000.000 ng

c. Các giao dịch vốn và phân phối cổ, chia lợi nhuận

	N m nay	N m tr ớc
- Vn đầu tư các sở hữu		
+ Vn góp thuần	55.120.000.000	55.120.000.000
+ Vn góp tăng trong năm	-	-
+ Vn góp giảm trong năm	-	-
+ Vn góp cuối năm	55.120.000.000	55.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.307.200.000	2.756.000.000

d. Cổ phiếu

	S c u i n m	S u n m
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.600.000	30.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.512.000	5.512.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.512.000	5.512.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.512.000	5.512.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.512.000	5.512.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 ng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO

CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	N m nay	N m tr c
- Doanh thu bán hàng hóa	9.871.600.000	50.961.893.116
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	255.000.000	-
Cộng	10.126.600.000	50.961.893.116

02. Giá trị hàng bán

	N m nay	N m tr c
- Giá trị net của hàng hóa đã bán	9.367.512.290	50.756.928.854
- Giá trị net của dịch vụ đã cung cấp	154.000.000	-
Cộng	9.521.512.290	50.756.928.854

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	N m nay	N m tr c
- Lãi tín dụng, tín dụng cho vay	3.639.692	109.317.929
- Chiết khấu, nhượng bộ chia	5.900.000.000	9.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	135.294.213
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	34.182.385
Cộng	5.903.639.692	9.278.794.527

04. Chi phí tài chính

	N m nay	N m tr c
- Lãi tín dụng	200.761.764	672.082.083
- Lợi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	6.495.000.466
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	389.751.457	4.870.950
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(8.142.000.000)
Cộng	590.513.221	(970.046.501)

05. Chi phí khác

	N m nay	N m tr c
- Chi phí đang trình tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	103.239.727	-
- Lợi nhuận GTGT chưa hóa đơn không hợp lệ	82.020.487	-
- Chi phí khác	-	5.825.065

Công	185.260.214	5.825.065
06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	N m nay	N m tr c
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.092.355.479	4.779.100.960
- Các khoản ưu đãi thuế học phí miễn lợi nhuận kế toán xác nhận lợi nhuận hoặc phân bổ cho công suất CP thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc phân bổ cho công suất học phí thông	1.092.355.479	4.779.100.960
- Cổ phiếu thông thường hành bình quân trong năm	5.512.000	5.512.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	198	867

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	N m nay	N m tr c
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	2.229.489.073	1.841.403.476
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.148.690	374.354.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.636.598	872.612.111
- Chi phí khác bằng tiền	1.952.084.400	2.580.509.602
Công	4.681.358.761	5.668.879.265

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN T

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Các thành viên quản lý chính và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Từ ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chính và các cá nhân có liên quan như sau:

S c u i n m

Ban i u hành

S c u i n m

+ T m ng	<u>5.373.600</u>
C ng n ph i thu	<u>5.373.600</u>

Thu nh p c a các thành viên qu n lý ch ch t nh sau:

	N m nay
Ti n l ng	<u>210.333.360</u>
C ng	<u>210.333.360</u>

02. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số dư tính		Số dư tính		Số dư tính	Số dư tính
	Giá trị ghi sổ	D phòng	Giá trị ghi sổ	D phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tiền	1.449.577.217	-	830.854.546	-	1.449.577.217	830.854.546
Phí thu khách hàng và phí thu khác	164.928.838.188	-	143.182.794.063	-	164.928.838.188	143.182.794.063
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	4.482.220.000	-	4.482.220.000	-	4.482.220.000	4.482.220.000
Cộng	170.860.635.405	-	148.495.868.609	-	170.860.635.405	148.495.868.609

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số dư tính	Số dư tính	Số dư tính	Số dư tính
Nợ phải trả tài chính				
Phí trả cho người bán	30.337.612.515	35.012.896.586	30.337.612.515	35.012.896.586
Vay và nợ	-	597.508.100	-	597.508.100
Chi phí phải trả	-	-	-	-

CÔNG TY C PH N U T TÀI CHÍNH, TH NG M ID CH V FICO
 Số 1 Phan ình Giót, ph ãng Ph ãng Li t, qu ãn Thanh Xuân, thành ph Hà N ãi

	Giá tr s sách		Giá tr h p lý	
Các kho ãn ph ãi tr khác	39.900.779.094	38.638.904.689	39.900.779.094	38.638.904.689
C ãng	70.238.391.609	74.249.309.375	70.238.391.609	74.249.309.375

Giá tr h p lý c ã các tài s ãn tài chính và ãn ph ãi tr tài chính c ph ãn ãnh theo giá tr mà công c tài chính có th c chuy ãn ãi trong m t giao ãch hi ãn t ãi gi ã các bên có y hi u bi t và mong mu ãn giao ãch.

03. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thanh toán nghĩa vụ của mình dẫn đến thiệt hại tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu là vì các khoản phí thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phí thu khách hàng

Công ty giám sát rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các bên có khả năng tài chính tốt, yêu cầu một số tín dụng về việc giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nhận thông tin theo dõi nợ phải thu theo dõi thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phí thu của Công ty liên quan đến nhu cầu khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín Việt Nam. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng về việc gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chi tiết vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các bên có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thanh toán nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời hạn khác nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì mức dòng tiền và các khoản tăng trưởng phù hợp và các khoản vay mới mà Ban Giám đốc cho là chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

ng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giúp thị trường kinh doanh bình ổn và
lưu thông.

Thi hành thanh toán các khoản phí tài chính dựa trên các khoản thanh toán
đề nghị theo hợp đồng của các chi tiết như sau:

đơn vị tính: VND

	T 1 n m tr xu ng	Trên 1 n m n 5 n m	Trên 5 n m	C ng
S c u i n m				
Ph í tr cho ng i bán	30.337.612.515	-	-	30.337.612.515
Vay và n	-	-	-	-
Chi phí ph í tr	-	-	-	-
Các kho n ph í tr khác	39.900.779.094	-	-	39.900.779.094
C ng	70.238.391.609	-	-	70.238.391.609
S u n m				
Ph í tr cho ng i bán	35.012.896.586	-	-	35.012.896.586
Vay và n	597.508.100	-	-	597.508.100
Chi phí ph í tr	-	-	-	-
Các kho n ph í tr khác	38.638.904.689	-	-	38.638.904.689
C ng	74.249.309.375	-	-	74.249.309.375

Công ty cho rằng mức tập trung rủi ro ở vị trí trên là thấp. Công ty có khả
năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu
từ các tài sản tài chính có sẵn.

05. R i ro th tr ng

R i ro th tr ng là r i ro mà giá trị hợp lý hoặc các lưu ý trong tương lai của công
c tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. R i ro th tr ng bao
gồm 3 loại: r i ro ngo i t , r i ro lãi suất và r i ro v giá khác.

Các phân tích và trình bày dưới đây tập trung trên cơ sở giá trị các khoản nợ, tức là giá của các khoản nợ có lãi suất thực và các khoản nợ có lãi suất danh nghĩa là không thay đổi.

Ri ro ngoi

Ri ro ngoi là ri ro mà giá trị hợp lý hoặc các lưu lượng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá hối đoái.

Ri ro lãi suất

Ri ro lãi suất là ri ro mà giá trị hợp lý hoặc các lưu lượng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Ri ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tín dụng, các khoản tín dụng ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý ri ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường có các lợi suất có liên quan và vận dụng trong giới hạn quy định của mình.

Công ty không thực hiện phân tích nhạy cảm về lãi suất vì ri ro do thay đổi lãi suất từ ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Ri ro về giá khác

Ri ro về giá khác là ri ro mà giá trị hợp lý hoặc các lưu lượng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty tập trung trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2014

Người lập báo cáo

Kiểm toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

Xác nhận các nội dung
theo pháp luật của Công ty

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(**CHỮ KÝ**)